

Số: 35/2019/QĐST-HNGĐ

Gò Công Đông, ngày 31 tháng 01 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 296/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Huỳnh A, sinh năm: 1971
Địa chỉ: ấp N, xã P, huyện G, Tiền Giang

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị M, sinh năm: 1972
Địa chỉ: ấp N, xã P, huyện G, Tiền Giang

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị B, sinh năm: 1941

Địa chỉ: ấp N, xã P, huyện G, Tiền Giang

2. Anh Nguyễn Huỳnh K, sinh năm: 1996

Địa chỉ: ấp N, xã P, huyện G, Tiền Giang

3. Chị Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 2000

Địa chỉ: ấp N, xã P, huyện G, Tiền Giang

4. Ngân hàng N (Ngân hàng)

Trụ sở: đường M, phường M1, quận N, Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện ủy quyền: Ông Lê Văn Q, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện G.

Theo quyết định số 510/QĐ –NHCS ngày 16 tháng 6 năm 2014 về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn An K, chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch và Kinh doanh Ngân hàng N – Chi nhánh huyện G. Theo Giấy ủy quyền ngày 23 tháng 11 năm 2018.

Địa chỉ: số 55 khu phố D, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 59, 60 và Điều 61 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 01 năm 2019

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: ông Nguyễn Huỳnh A và bà Huỳnh Thị M

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Huỳnh A và bà Huỳnh Thị M thuận tình ly hôn;
- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh K, sinh ngày 08 tháng 6 năm 1996 và Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2000 đều đã trưởng thành nên các bên đương sự không có yêu cầu về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con
- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về yêu cầu chia quyền sử dụng đất của hộ Phạm Thị B:

Bà Phạm Thị B cùng các thành viên trong hộ bà Phạm Thị B gồm: ông Nguyễn Huỳnh A, anh Nguyễn Huỳnh K và chị Nguyễn Thị Huỳnh N thống nhất chia bà Huỳnh Thị M là thành viên hộ gia đình được sử dụng diện tích 183,6m², đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 1794, tờ bản đồ số 04, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ số 00235/NC do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho hộ Phạm Thị B ngày 14 tháng 5 năm 2001 (thửa mới là 267, tờ bản đồ số 27 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới số CH03070 ngày 15/01/2015) tọa lạc tại ấp N, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Hiện bà Huỳnh Thị M đang quản lý nên được tiếp tục quản lý, sử dụng. Phần đất có vị trí tứ cận như sau:

- + Đông giáp phần đất Võ Tấn H;
- + Tây giáp đường bê tông và phần đất còn lại của hộ Phạm Thị B;
- + Nam giáp phần đất còn lại của hộ Phạm Thị B;
- + Bắc giáp đất Võ Tấn H;

(Có sơ đồ vị trí kèm theo)

Bà Huỳnh Thị M được quyền đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật;

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện G điều chỉnh giấy chứng nhận số 00235/NC ngày 14 tháng 5 năm 2001 (hiện nay là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới

CH03070 ngày 15 tháng 01 năm 2015) do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho hộ Phạm Thị B phù hợp với diện tích giảm so với thực tế hiện đang sử dụng

- Về nợ chung: Không có
- Về tranh chấp hợp đồng vay tài sản:

Hộ Phạm Thị B đã trả xong số tiền nợ vay của hai hợp đồng tín dụng số 6909LA201601752 ngày 26/02/2016 và 6909LA201800371 ngày 10/01/2018 cho Ngân hàng N. Hiện hộ Phạm Thị B không còn nợ vay của Ngân hàng. Ngân hàng, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

+ Ông Nguyễn Huỳnh A tự nguyện nộp toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.045.000 đồng theo biên lai số 45199 ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông. Ông Nguyễn Huỳnh A được hoàn lại số tiền là 895.000 đồng (Tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng)

+ Bà Huỳnh Thị M phải nộp án phí chia quyền sử dụng đất trong hộ là 207.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 45445 ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông. Bà M được hoàn lại số tiền là 93.000 đồng (Chín mươi ba nghìn đồng)

+ Ngân hàng N, bà Phạm Thị B, anh Nguyễn Huỳnh K và chị Nguyễn Thị Huỳnh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện GCD;
- Chi cục THADS huyện GCD;
- UBND xã P, GCD;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

Trần Quang Vũ